

NGÀNH TƯ PHÁP NĂM 2022 VƯƠN LÊN ĐỂ KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ

■ NGỌC MAI

Năm 2022 được xem là năm có ý nghĩa quan trọng, là giải đoạn “phục hồi, chữa lành” nền kinh tế - xã hội sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi tác động của dịch Covid-19; trong bối cảnh đó, Ngành tư pháp toàn tỉnh nói chung và Sở Tư pháp nói riêng đã cùng đồng lòng, quyết tâm từ đó, công tác tư pháp năm 2022 đã được triển khai có trọng tâm, trọng điểm, bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Chương trình, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Bộ Tư pháp. Nhờ vậy, không chỉ trong nhiệm vụ chuyên môn mà trong cả các hoạt động đoàn thể đã có chuyển biến tích cực, gặt hái nhiều kết quả nổi bật.

1. Về công tác chuyên môn, nghiệp vụ

Ngay từ đầu năm 2022, Ngành Tư pháp Thừa Thiên Huế đã khẩn trương xác định các nhiệm vụ công tác để triển khai toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, luôn bám sát Chương trình, Kế hoạch công tác, chỉ đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương. Công tác chỉ đạo điều hành có nhiều đổi mới, kịp thời xây dựng kế hoạch, chương trình và tổ chức triển khai công việc theo hướng ngày càng đi vào chiều sâu, sát với điều kiện thực tế; bảo đảm chất lượng, tiến độ các nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch đã đề ra từ đầu năm. Một số mặt công tác có kết quả tốt như: công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) được tiến hành bài bản hơn ngay từ khâu lập đề nghị xây dựng văn bản đến xây dựng và ban hành văn bản, đặc biệt là vị trí, vai trò thẩm định, góp ý của



Hội nghị cán bộ, công chức Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022

Sở Tư pháp được nâng cao. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được đổi mới nội dung, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật; công tác hoà giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật được tăng cường, góp phần ngăn ngừa các hành vi phạm pháp luật trong cộng đồng dân cư. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật đặc biệt được chú trọng triển khai thực hiện. Công tác hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, lý lịch tư pháp, đăng ký giao dịch bảo đảm, bồi thường nhà nước tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân và phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý nhà nước về hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý tiếp tục được tăng cường; tổ chức và hoạt động hỗ trợ tư pháp được hoàn thiện theo chủ trương xã hội hóa đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận, đóng góp vào việc cải cách tư pháp, phục vụ hiệu quả hoạt động của Tòa án và phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của

người dân, doanh nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tiếp tục được chú trọng thực hiện, nhất là công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hộ tịch, chứng thực để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý những vi phạm. Tổ chức bộ máy Ngành Tư pháp không ngừng được hoàn thiện, năng lực, trình độ cán bộ, công chức, viên chức Ngành Tư pháp được nâng cao, đào tạo bài bản, chuẩn hóa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn mới.

2. Về hoạt động của các đoàn thể

Với mục tiêu tăng cường nguồn lực, nâng cao hơn nữa các hoạt động của đoàn thể và Chi đoàn, với sự chứng kiến của Lãnh đạo Sở, đại diện ba tổ chức đoàn thể của Sở Tư pháp là Công đoàn cơ sở, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên đã ký kết chương trình phối hợp năm 2022. Qua đó, các tổ chức đoàn thể đã hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực cũng như triển khai các hoạt động được đồng bộ, thống nhất, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của đoàn thể cũng như nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

Trong năm 2022, các đoàn thể đã phối hợp, tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn như ngày thành lập Đảng, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam, thành lập Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngày Quốc tế Phụ nữ, ngày Quốc tế Lao động, ngày thành lập Ngành Tư pháp,... nhằm giáo dục đoàn viên công đoàn phát huy đạo lý, truyền thống tốt đẹp “Uống nước nhớ nguồn” của quê hương đất nước, từ đó nâng cao nhận thức, tu dưỡng rèn luyện bản thân trên mọi cương vị công tác, các hoạt động trên đã thu hút đông đảo đoàn viên hưởng ứng tham gia. Một số hoạt động có kết quả cao như: vận động, cử 14 đoàn viên tham gia hiến máu nhân đạo do Công đoàn Viên chức phát động, đặc biệt có nhiều đoàn viên liên tục hiến máu đến 02 lần; triển khai hiệu quả Chương trình “01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo,

quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid 19” (đến ngày 22/4/2022, đã hoàn tất cập nhật tất cả các sáng kiến tại Cổng trực tuyến Công đoàn Việt Nam); vận động, ủng hộ số tiền 5.500.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn); 395 quyển vở (mới) loại 100 trang; Sách giáo khoa (cũ) lớp 1 (3 bộ); lớp 3; lớp 4; lớp 7; lớp 9 (3 bộ) và lớp 10 cho Chương trình “Cùng em đến trường”; tổ chức Tết Trung thu và tổ chức phát thưởng năm học 2021 - 2022 cho các cháu là con em cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan đơn vị; tổ chức 06 đợt ra quân làm vệ sinh, tại khu vực xung quanh bờ hồ đường Tôn Đức Thắng phường Phú Hội và cùng với người dân tham gia vệ sinh đường phố sau lụt, bão; thực hiện cuộc vận động xây dựng cơ quan, gia đình đạt chuẩn văn hóa, trong năm 2022, 100% gia đình công chức, viên chức, người lao động được công nhận gia đình đạt chuẩn văn hóa. Cùng với cơ quan xây dựng nếp sống văn minh công sở, xây dựng môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp, không có tệ nạn xã hội xâm nhập vào cơ quan, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự và cơ quan liên tục giữ vững đạt chuẩn văn hóa cho đến nay.

Cũng trong năm 2022, Chi đoàn đã tăng cường các phong trào “Xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng” như: phối hợp với Chi đoàn Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp hỗ trợ, tặng quà cho 30 hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị ảnh hưởng do dịch Covid-19, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, mắc bệnh hiểm nghèo, thiên tai, bão lũ, gia đình chính sách (mỗi suất quà là tiền mặt trị giá 500.000đ) cho 17 hộ ở thôn Hòa Vang và 13 hộ ở thôn Bình An, xã Lộc Bồn, huyện Phú Lộc; trao tặng 10 chiếc xe đạp mới và 10 suất quà cho 10 em học sinh thuộc tại địa bàn xã Lộc Sơn, Lộc Bồn và Lộc An; trồng hơn 350 cây xanh tại khuôn viên Trường mầm non Tiên Lược thuộc xã Lộc An và Trường mầm non Lộc Sơn. Hưởng ứng Công trình Thanh niên “Trồng và chăm sóc bồn hoa”, Chi đoàn đã thực hiện trồng và chăm sóc hoa trong khuôn viên cơ quan, góp phần xây dựng cơ quan ngày càng xanh, sạch, đẹp...

3. Một số sự kiện đáng nhớ

- Ra mắt Điểm sinh hoạt của 03 Đoàn thể (Công đoàn - Hội Cựu chiến binh - Chi đoàn; với sự ra mắt Điểm sinh hoạt Đoàn thể do Công đoàn - Chi đoàn - Hội Cựu chiến binh Sở Tư pháp phối hợp thực hiện đã tạo ra một địa điểm giao lưu, giải trí bổ ích của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Tại đây, các đoàn thể đã liên tục tổ chức các chương trình như: Cà phê buổi sáng, Chương trình cà phê tháng thanh niên, giao lưu, rèn luyện cờ tướng giữa các vận động viên trong câu lạc bộ Cờ tướng... Đồng thời, nhằm góp phần duy trì phong trào thể dục thể thao, khuyến khích toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan tiếp tục tham gia tích cực hơn nữa các phong trào, hoạt động thể thao của cơ quan, đơn vị và đoàn thể cấp trên phát động, 03 đoàn thể đã tổ chức ra mắt các vận động viên cầu lông, bóng bàn và ra mắt, giới thiệu trang phục thi đấu đội bóng đá Sở Tư pháp.

- Tổ chức Chương trình Giao lưu kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống ngành Tư pháp và 32 năm thành lập ngành Tư pháp Thừa Thiên Huế, nhằm giao lưu, gặp mặt, ôn lại truyền thống giữa cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tham dự Chương trình có đồng chí Tạ Thị Tài - Phó Chánh Thanh tra Bộ Tư pháp; đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở Tư pháp và các đồng chí Phó Giám đốc Sở; các đồng chí Trưởng, phó phòng Phòng Tư pháp của 09 huyện, thị xã, thành phố cùng toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp.

- Tổ chức Lễ trao tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng cho 03 đồng chí cán bộ lãnh đạo gồm: đồng chí Đào Chuẩn - Giám đốc Sở Tư pháp, đồng chí Nguyễn Thanh Sơn - Phó Giám đốc Sở Tư pháp và đồng chí Phan Bá Mỹ - Trưởng phòng Phổ biến giáo dục pháp luật. Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng là một danh hiệu cao quý, một phần thưởng xứng đáng dành cho người cán bộ, đảng viên kiên trung của Đảng. Sự kiện này không chỉ là dấu mốc quan trọng trong sự phát triển của Đảng bộ Sở Tư pháp, mà còn là tấm gương sáng để toàn thể các đảng viên trẻ noi theo và học tập.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và 10 năm Hướng ứng Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh; đại diện lãnh đạo các Sở, ban, ngành; đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế. Tại Hội nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã tặng bằng khen cho 15 tập thể và 19 cá nhân vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Luật PBGDPL.

- Tổ chức thành công lần đầu tiên Cuộc thi trắc nghiệm trên nền tảng trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy trong học sinh, sinh viên” trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là cuộc thi nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong tìm hiểu kiến thức pháp luật về phòng, chống ma túy, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy trong học đường; đồng thời phát huy hiệu quả và chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Cuộc thi đã thu hút được 37.322 lượt người dự thi, 67 đơn vị trường học trên toàn tỉnh tham gia, trong đó có 1.394 lượt trả lời đúng 14/14 câu hỏi trắc nghiệm. Với kết quả này, Cuộc thi đã nhận được sự quan tâm, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh, đặc biệt là các đơn vị trường học trong phát động cuộc thi; kết quả cuộc thi cho thấy vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL.

Nhìn chung, công tác Tư pháp năm 2022 đang dần khép lại, tuy rằng còn nhiều khó khăn và thách thức, nhưng với những kết quả đã đạt được cũng đã góp phần xây dựng một nền tảng vững chắc để toàn Ngành có vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và sẽ đạt được thành tích cao hơn nữa trong những năm tiếp theo; qua đó, một lần nữa khẳng định được vị trí, ý nghĩa của Ngành Tư pháp, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

N.M

SỞ TƯ PHÁP TỔ CHỨC HỘI NGHỊ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

■ NGUYỄN THỊ ĐÀO

Ngày 14 tháng 10 năm 2022, Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giám định tư pháp với sự tham gia của 100 đại biểu là Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, đại diện các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, công chức tham mưu quản lý nhà nước về giám định tư pháp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng chí Phan Thuỳ Dương - Phó Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo Đề án “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” (Đề án 250), chủ trì Hội nghị.

Hội nghị đã nghe các báo cáo viên trình bày 03 chuyên đề: quản lý nhà nước về giám định tư pháp; kỹ năng tiếp nhận và tổ chức thực hiện việc giám định tư pháp; kỹ năng tham gia tố tụng của người giám định tư pháp. Nhiều vấn đề liên quan đã được nêu tại hội nghị để các đại biểu thảo luận, lưu ý, như: việc phân biệt giám định tư pháp với giám định khác, quyền và trách nhiệm của người giám định tư pháp tại phiên tòa, giám định tư pháp trong tố tụng hình sự, giám định tư pháp trong tố tụng dân sự, giám định tư pháp trong tố tụng hành chính, thời hạn thực hiện giám định,...

Hội nghị đã thông tin cơ bản đầy đủ, hệ thống kiến thức pháp luật có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp, quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp và một số kỹ năng



Đồng chí Phan Thuỳ Dương - Phó Giám đốc Sở Tư pháp - Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo Đề án “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị

pháp lý cơ bản cần thiết trong hoạt động này, qua đó tăng cường công tác quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Phan Thuỳ Dương, Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 250 đề nghị các cơ quan chức năng tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 250 đảm bảo nội dung, yêu cầu, tiến độ công việc theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về vị trí, vai trò của công tác giám định tư pháp. Chú trọng thông tin, tuyên truyền nội dung Điều 4 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) về trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động

(xem tiếp trang 8)

MỘT SỐ TRAO ĐỔI VỀ THỜI HẠN, THỜI HIỆU XỬ LÝ KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC VIÊN CHỨC

■ NGUYỄN MINH ANH

Phòng Nội vụ huyện Quảng Điền

Thời hạn, thời hiệu là một trong những quy định quan trọng trong việc xác định các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý của tổ chức, cá nhân khi tham gia các quan hệ pháp luật. Việc nhận thức đúng và áp dụng nghiêm chỉnh, thống nhất thời hạn, thời hiệu và cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức có ý nghĩa quan trọng trong quá trình quản lý của cơ quan nhà nước. Các quy định về thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức đã được luật hóa, đồng thời thường xuyên được rà soát, sửa đổi để phù hợp với thực tiễn và phù hợp với yêu cầu quản lý của nhà nước. Năm 2019, quy định về thời hạn, thời hiệu trong Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 đã được sửa đổi, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm kỷ luật để quy định thời hiệu xử lý phù hợp, việc tăng thời hạn xử lý kỷ luật, bổ sung những trường hợp không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật và bổ sung các trường hợp không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật đã khắc phục những hạn chế đang diễn ra trong thực tiễn, tăng tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa vi phạm pháp luật trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính tăng tính hiệu lực hoạt động quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức.

1. Khái niệm thời hạn xử lý kỷ luật

Thời hạn xử lý kỷ luật là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức, viên chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức



năm 2019 quy định: “Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày”.

2. Khái niệm thời hiệu xử lý kỷ luật

Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 quy định ngoại trừ các hành vi vi phạm không

áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật thì thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

“a) 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

b) 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.”

3. Cách xác định thời hạn, thời hiệu

Thời hạn và thời hiệu là một khoảng thời gian, có điểm bắt đầu và điểm kết thúc. Qua thực tiễn áp dụng các quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức thì nhận thấy chưa có quy định cách xác định thời hạn, thời hiệu. Do đó, trong quá trình áp dụng pháp luật, phải vận dụng một số khái niệm của Luật khác để làm căn cứ xác định thời hạn và thời hiệu.

3.1. Cách xác định thời hạn xử lý kỷ luật

Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 thì thời hạn xử lý kỷ luật được tính bằng ngày. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 không quy định cách xác định thời điểm bắt đầu nên phải áp dụng pháp luật tương tự, cụ thể vận dụng Khoản 2, Điều 147, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời điểm bắt đầu của thời hạn xử lý kỷ luật: *“Khi thời hạn được xác định bằng ngày, tuần, tháng, năm thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định”*

Thời hạn xử lý kỷ luật được xác định bằng ngày do đó căn cứ quy định trên thì thời điểm bắt đầu của thời hạn xử lý kỷ luật được tính như sau: Ngày phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật sẽ không được tính mà thời hạn xử lý kỷ luật được tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày phát hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 cũng không quy định cách xác định thời điểm kết thúc của thời hạn do đó cần áp dụng pháp luật tương tự, cụ thể vận dụng Khoản 1, Khoản 5, Khoản 6, Điều 148, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời điểm kết thúc của thời hạn xử lý kỷ luật:

“1. Khi thời hạn tính bằng ngày thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn.

.....

5. Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

6. Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó.”

Ví dụ: Ngày 21/6/2021, thông qua kiểm tra công tác tư pháp, UBND huyện phát hiện ông Nguyễn Văn A - Công chức Tư pháp - Hộ tịch UBND xã B có hành vi vi phạm trong cấp giấy xác nhận tình trạng độc thân, cụ thể mặc dù biết 4 công dân nữ cư trú trên địa bàn xã đã có chồng (đi làm ăn xa) nhưng ông Nguyễn Văn A đã lợi dụng vị trí công tác có hành vi tham mưu xác nhận tình trạng hôn nhân là độc thân cho 4 công dân đó, trong 4 người được xác định độc thân đã có 1 người dựa vào giấy xác nhận độc thân này để đăng ký kết hôn với người nước ngoài. Thời điểm bắt đầu của thời hạn là ngày 22/6/2021, do vụ việc không có tình tiết phức tạp nên thời hạn xử lý kỷ luật là không quá 90 ngày, theo đó thời điểm kết thúc của thời hạn xử lý kỷ luật là 19/9/2021, tuy nhiên ngày 19/9/2021 là Chủ nhật do đó thời điểm kết thúc của thời hạn xử lý kỷ luật là ngày 20/9/2021.

3.2. Cách xác định thời hiệu xử lý kỷ luật

Để xác định thời hiệu thì phải xác định được thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc. Việc tính thời hiệu phải tuân thủ cách tính thời hạn.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 không quy định cách xác định thời điểm bắt đầu của thời hiệu, muốn xác định thời điểm bắt đầu thì cần áp dụng pháp luật tương tự, cụ thể vận dụng Điều 151 Bộ Luật Dân sự 2015 để xác định cách tính thời hiệu, cụ thể: *“Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và ngày chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu”*.

Đối với các hành vi vi phạm quy định không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật thì không có thời điểm kết thúc.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 quy định thời hiệu xử lý kỷ luật là năm, việc xác định thời điểm bắt đầu của thời hiệu xử lý kỷ luật phải tuân thủ theo cách tính thời hạn do đó, vận dụng Khoản 2, Điều 147, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời điểm bắt đầu của thời hiệu xử lý kỷ luật.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 không quy định cách xác định thời điểm kết thúc của thời hiệu, muốn xác định thời điểm kết thúc thì phải tuân thủ theo cách tính thời hạn và cần áp dụng pháp luật tương tự, cụ thể vận dụng khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Điều 148 Bộ Luật Dân sự 2015 để xác định cách tính thời điểm kết thúc của thời hiệu:

“4. Khi thời hạn tính bằng năm thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày, tháng tương ứng của năm cuối cùng của thời hạn.

5. Khi ngày cuối cùng của thời hạn là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì thời hạn kết thúc tại thời điểm kết thúc ngày làm việc tiếp theo ngày nghỉ đó.

6. Thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hạn vào lúc hai mươi tư giờ của ngày đó.”

Ví dụ: Ngày 10/12/2020, ông Nguyễn Văn A, Công chức Văn hóa - Xã hội thuộc UBND xã B, sinh con thứ 3, qua xem xét thì UBND huyện nhận thấy thuộc trường hợp vi phạm quy định pháp luật về dân số, đây là hành vi vi phạm ít nghiêm trọng nên thì thời hiệu xử lý kỷ luật là 2 năm. Thời điểm bắt đầu tính thời hiệu xử lý kỷ luật là ngày 11/12/2020, thời điểm kết thúc thời hiệu là tính đến 24 giờ ngày 11/12/2022, do ngày 11/12/2022 là ngày Chủ nhật nên thời điểm kết thúc thời hiệu là ngày 12/12/2022.

Trong thời hạn, thời hiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 quy định mà cơ

quan có thẩm quyền không xử lý kỷ luật (trừ những trường hợp không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật và những hành vi không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật) thì cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm đó đương nhiên không bị xử lý kỷ luật.

Mặc dù một số khuyết điểm, hạn chế về thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 đã được rà soát, sửa đổi năm 2019 nhưng trong thực tiễn thực hiện vẫn còn một số vấn đề chưa rõ ràng, chưa thống nhất gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, cần được sửa đổi, bổ sung để đảm bảo rõ ràng, thống nhất:

Một là, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019 chưa thống nhất với thời hiệu kỷ luật được quy định tại Quyết định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về kỷ luật tổ chức Đảng, do đó gây khó khăn trong xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, cụ thể, có một số trường hợp mặc dù bị kỷ luật Đảng nhưng không thể kỷ luật về mặt hành chính do hết thời hiệu xử lý kỷ luật, nguyên tắt *“Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật hành chính...”* khó có thể thực thi. Tại kỳ họp thứ 4, Quốc Hội Khóa XV, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà, thừa ủy quyền của Thủ tướng trình bày Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu quốc hội đã thống nhất sửa đổi để đảm bảo đồng bộ với quy định xử lý kỷ luật của Đảng. Hi vọng Nghị quyết sẽ được sớm ban hành để có cơ sở áp dụng.

Hai là, Luật cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức

và Luật viên chức năm 2019 không quy định cách xác định thời hạn, thời hiệu nên cần áp dụng pháp luật tương tự do đó gây khó khăn trong quá trình xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Đề nghị quy định rõ cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức. Ví dụ: Khoản 1, Điều 8, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “*Cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo quy định của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp trong Luật này có quy định cụ thể thời gian theo ngày làm việc*”.

Ba là, khi công bố Quyết định kỷ luật Đảng đối với Đảng viên, Cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức (hoặc cơ quan phụ trách tham mưu quản lý cán bộ, công chức, viên chức) không có trong thành phần tham gia Hội nghị công bố quyết định kỷ luật nên “*trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định xử lý kỷ luật hành chính*” gặp khó khăn và dễ xảy ra tình trạng quá thời hạn, thời hiệu, thiết nghĩ cần quy định sau khi công bố quyết định kỷ luật, tổ chức đảng ban hành Quyết định kỷ luật cần gửi Quyết định kỷ luật Đảng viên cho Cơ

quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức (hoặc cơ quan phụ trách tham mưu quản lý cán bộ, công chức, viên chức) để có căn cứ xử lý kỷ luật hành chính.

Trong quá trình xem xét hành vi vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức, ngoài việc phải xác định đúng hành vi vi phạm, mức độ của hành vi vi phạm để áp dụng các hình thức xử lý kỷ luật tương ứng theo quy định của pháp luật thì việc xác định đúng thời hạn, thời hiệu, thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc của thời hạn, thời hiệu để xem còn thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật không cũng có vai trò rất quan trọng, bởi lẽ mặc dù cán bộ, công chức, viên chức có vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật nhưng hết thời hiệu, thời hạn thì cơ quan có thẩm quyền cũng không thể xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức đó như vậy tính nghiêm minh, răn đe của pháp luật sẽ không còn tác dụng. Trong thực tiễn áp dụng thời hạn, thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, thời gian tới cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo đồng bộ, thống nhất./.

N.M.A

SỞ TƯ PHÁP TỔ CHỨC HỘI NGHỊ... (tiếp theo trang 4)

giám định tư pháp và khoản 2 Điều 20 Luật Giám định tư pháp là “*Trong trường hợp đặc biệt, người trung cầu giám định có thể trung cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ tiêu chuẩn, điều kiện không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do trong quyết định trung cầu*”. Hàng năm, có giải pháp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho giám định viên tư pháp thuộc ngành quản lý; thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn cá nhân, tổ chức giám định

tư pháp theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đồng chí đề nghị các giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc tích cực phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động giám định tư pháp; thông tin, báo cáo kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong hoạt động với cơ quan quản lý chuyên ngành để giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết, bảo đảm cho hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh./.

N.T.Đ

ĐỀ ÁN “NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ HÒA GIẢI VIÊN Ở CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2019 - 2022” - NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 4 NĂM THỰC HIỆN

■ THÙY TRANG

Nhận thức được vị trí, vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở là một trong các biện pháp góp phần xây dựng ý thức trong cộng đồng dân cư. Trong đó, đội ngũ hòa giải viên chính là lực lượng nòng cốt, là tuyến đầu gánh vác trách nhiệm và sứ mệnh giải quyết tận gốc các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân; đồng thời đây cũng là lực lượng tuyên truyền, phổ biến pháp luật; duy trì ổn định và thúc đẩy hòa hợp trong Nhân dân; ngày 18 tháng 4 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 428/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022” (sau đây gọi tắt là Đề án). Sau 04 năm thực hiện triển khai Đề án, hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở nói chung, chất lượng của đội ngũ hòa giải viên nói riêng đã được cải thiện đáng kể và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận.

Sau khi Quyết định có hiệu lực, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch về triển khai Đề án giai đoạn 2019 - 2022. Trên cơ sở đó, hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Kế hoạch thực hiện Đề án, đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, căn cứ theo điều kiện, nhiệm vụ để ban hành Kế hoạch theo nội dung và hình thức phù hợp. Theo đó, 09/09 đơn vị cấp huyện đã triển khai thực hiện Đề án tại địa phương đúng theo định hướng của cấp trên, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

Để tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả trọng tâm của Đề án là nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở, xây dựng đội ngũ hòa giải

viên đủ năng lực, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao nhất là trong bối cảnh các thỏa thuận do các bên đạt được có thể được Tòa án công nhận và được thi hành theo thủ tục thi hành án dân sự; các cấp ủy Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các cấp đã thường xuyên quan tâm, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hòa giải ở cơ sở; trong đó, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành trong cộng đồng dân cư; quan tâm xây dựng đội ngũ hòa giải viên có trình độ, kỹ năng và nghiệp vụ hòa giải để giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý. Nhờ đó đã tạo chuyển biến căn bản, toàn diện trong công tác hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đề án đề ra.

Từ năm 2019 đến năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ về hòa giải ở cơ sở (03 cuộc tọa đàm/hội thảo nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở với gần 300 đại biểu tham dự là tập huấn viên cấp tỉnh, tập huấn viên cấp huyện, hòa giải viên ở cơ sở; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức hơn 30 Hội nghị tập huấn với hơn 1.920 đại biểu là cán bộ, công chức cấp xã, hòa giải viên ở cơ sở, người có uy tín trong cộng đồng, Nhân dân). Đặc biệt trong năm 2022, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được Bộ Tư pháp và Cơ quan Phát triển Liên Hiệp quốc

tại Việt Nam (UNDP) lựa chọn, tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ về bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở cho 33 tập huấn viên cấp huyện và 30 hòa giải viên trên địa bàn tỉnh. Thông qua Hội nghị, các tập huấn viên cấp huyện và hòa giải viên đã được trang bị các kiến thức cơ bản, kỹ năng, quy trình, thực hành hòa giải... góp phần phục vụ cho công tác hòa giải có liên quan đến giới và bình đẳng giới và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở tại địa phương.

Song song với tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng quan tâm hỗ trợ tài liệu cho đội ngũ hòa giải viên. Theo đó, chỉ đạo Sở Tư pháp đã thực hiện cấp phát tài liệu phục vụ cho công tác hòa giải như: biên soạn, phát hành 44.000 tờ gấp pháp luật trong lĩnh vực hòa giải, 1.500 cuốn sách “Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở” dành cho đội ngũ tập huấn viên và 300 cuốn sách “hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở” cho các hòa giải viên, tổ hòa giải. Ngoài ra, nhằm tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện Đề án, Sở Tư pháp đã biên soạn, đăng tải 293 tình huống giải đáp pháp luật, 25 câu chuyện, 16 tiểu phẩm pháp luật với các chủ đề liên quan đến lĩnh vực về dân sự, hôn nhân và gia đình... liên quan đến công tác hòa giải ở cơ sở trên Trang Thông tin điện tử Sở, Trang Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, đặc biệt là qua Trang Fanpage Pháp luật với Cuộc sống nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho tập huấn viên, hòa giải viên ở cơ sở khai thác, sử dụng. Ủy ban nhân dân các



Một số Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã được tổ chức trong năm 2022

huyện, thị xã, thành phố cũng thực hiện trang cấp Bộ tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở đầy đủ cho Tổ hòa giải, phục vụ việc nâng cao năng lực cho hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn.

Để nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án đồng thời bảo đảm tính chính xác của số liệu thống kê công tác hòa giải, hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế đã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo phòng, ban liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tiến hành rà soát, củng cố, kiện toàn Tổ hòa giải ở cơ sở đối với các thôn, tổ dân phố (trong đó chú trọng các thôn, tổ dân phố nằm trong các đơn vị hành chính được sắp xếp, điều chỉnh, và thành lập mới theo Nghị quyết số 1264/NQ-

UBTVQH14 ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc về việc điều chỉnh địa giới hành chính các đơn vị hành chính cấp huyện và sắp xếp, thành lập các phường thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế).

Trong giai đoạn thực hiện Đề án, tuy bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, dẫn đến hoạt động triển khai bị tạm dừng, hạn chế. Tuy nhiên, tỉnh Thừa Thiên Huế đã linh hoạt, chủ động chuyển trạng thái để thích ứng tình hình mới và thực hiện mục tiêu kép: bảo đảm an toàn phòng, chống dịch bệnh và hoàn thành các nhiệm vụ hiệu quả; qua đó Đề án vẫn được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng cơ bản mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra.

Tính đến ngày 30/11/2022, toàn tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có 1.106 tổ hòa giải, với 6.598 hòa giải viên. Trong đó hòa giải viên nữ là 1.592 người (chiếm 24,1%); số hòa giải viên có chuyên môn Luật là 157 người; số hòa giải viên đã được tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ là 4.943 người (chiếm 75%).

Có thể thấy, từ khi triển khai Đề án đến nay, ý thức và kỹ năng của hòa giải viên ở cơ sở được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn tỉnh vừa đảm bảo về số lượng, chất lượng, tỉ lệ hòa giải viên nam-nữ, vừa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công tác hòa giải ở cơ sở. Việc thực hiện Đề án đã làm thay đổi nhận thức của hòa giải viên, từ chỗ các hòa giải viên trước đây khi tham gia hòa giải còn chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình (mặc dù được tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ hàng năm nhưng khi áp dụng vào thực tiễn đôi lúc còn lúng túng, chưa có chiều sâu). Đến nay, khi tham gia hòa giải, hòa giải viên thực hiện trách nhiệm hơn, tâm huyết hơn, kỹ năng thực hiện một quy trình hòa giải kỹ hơn, sâu sát hơn, nghiên cứu giải quyết thấu tình, đạt lý, tạo được sự đồng thuận của các bên cao hơn, nhờ đó số vụ việc hòa giải thành tăng so với giai đoạn trước đây (từ 78,5% trong năm

2018 đến năm 2022 tỉ lệ này đạt 87,3%). So với giai đoạn 2015 - 2018 thì giai đoạn 2019 - 2022 số vụ việc hòa giải ở cơ sở giảm trên 26% (cụ thể: giai đoạn 2015 - 2018, trung bình mỗi năm tiếp nhận 1.100 vụ việc; giai đoạn 2019 - 2022, trung bình mỗi năm tiếp nhận 874 vụ việc). Những con số này đã cho thấy, các hòa giải viên đã cơ bản phát huy được vai trò, trách nhiệm trong công tác hòa giải; nhiều vụ việc tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân đã được các hòa giải viên hòa giải thành công ngay từ cơ sở đã góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, qua 04 năm triển khai thực hiện Đề án đã có những thay đổi tích cực trong nhận thức của hòa giải viên và công tác hòa giải ở cơ sở. Tổ hòa giải được củng cố, kiện toàn đủ số lượng, thành phần cơ cấu hòa giải viên theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở; việc lựa chọn, giới thiệu thành viên tham gia tổ Hòa giải được tiến hành trên cơ sở sự đánh giá, nhận xét về năng lực, phẩm chất, thái độ, tinh thần tham gia các hoạt động, phong trào tại địa phương; uy tín của cá nhân đã giúp cho đội ngũ hòa giải viên cơ sở ngày càng chất lượng. Cùng với việc thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng và khả năng tra cứu tài liệu, đội ngũ hòa giải viên đã được trang bị về kiến thức pháp luật, kỹ năng hòa giải đầy đủ, ý thức nêu gương, bản lĩnh và tinh thần trách nhiệm; từ đó tạo hiệu quả cao trong công tác hòa giải ở cơ sở. Thông qua hoạt động hòa giải ở cơ sở đã giải quyết kịp thời những mâu thuẫn, tranh chấp trong cộng đồng dân cư; góp phần vào việc giữ gìn tình làng, nghĩa xóm trong cộng đồng dân cư; hạn chế các vi phạm pháp luật ở cơ sở. Đồng thời nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hình thành trong mỗi cá nhân ý thức chấp hành pháp luật, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

T.T

CÁC PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG THÔNG TIN CÔNG DÂN THAY VIỆC XUẤT TRÌNH SỔ HỘ KHẨU, SỔ TẠM TRÚ KHI THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GIAO DỊCH DÂN SỰ

■ HỒNG NGỰ

Luật Cư trú được Quốc hội thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2021. Trong đó, Điều 38 Luật Cư trú quy định: “*Khi công dân thực hiện các thủ tục đăng ký, khai báo về cư trú dẫn đến thay đổi thông tin trong Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú thì cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm thu hồi Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú đã cấp, thực hiện điều chỉnh, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật này và không cấp mới, cấp lại Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú*”.

Để việc triển khai thực hiện quy định của Luật Cư trú thống nhất, đồng bộ, hiệu quả nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giảm phiền hà cho công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân (*Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú có giá trị đến hết ngày 31/12/2022*), Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an ban hành Công văn số 5672/C06-TTDLDC ngày 22/8/2022 về việc phối hợp triển khai thi hành Luật Cư trú năm 2020. Trong đó, nêu rõ các phương thức sử dụng thông tin công dân thay việc xuất trình Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự như sau:

1. Sử dụng thẻ Căn cước công dân (CCCD) gắn chip điện tử là giấy tờ pháp lý chứng minh thông tin về cá nhân, nơi thường trú

Tại khoản 1 Điều 3, Điều 18 và Điều 20 Luật Căn cước công dân năm 2014 quy định

CCCD là thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân; khi công dân xuất trình thẻ CCCD theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không được yêu cầu công dân xuất trình thêm giấy tờ khác chứng nhận các thông tin về CCCD; các thông tin trên mặt thẻ CCCD, gồm: ⁽¹⁾ Ảnh, ⁽²⁾ Số thẻ CCCD (số định danh cá nhân); ⁽³⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁵⁾ Giới tính; ⁽⁶⁾ Quốc tịch; ⁽⁷⁾ Quê quán; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Ngày, tháng, năm hết hạn; ⁽¹⁰⁾ Đặc điểm nhân dạng; ⁽¹¹⁾ Vân tay; ⁽¹²⁾ Ngày, tháng, năm cấp thẻ; ⁽¹³⁾ Họ, chữ đệm và tên, chức danh, chữ ký của người cấp thẻ.

2. Sử dụng thiết bị đọc mã QRCode trên thẻ CCCD có gắn chip

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc QRCode (theo tiêu chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) tích hợp với máy tính hoặc thiết bị di động để đọc thông tin công dân từ mã QRCode trên thẻ CCCD.

Các thông tin gồm: số CCCD; số CMND 9 số; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi thường trú; Ngày cấp CCCD.

3. Sử dụng thiết bị đọc chip trên thẻ CCCD

Công dân, cơ quan, tổ chức sử dụng thiết bị đọc thông tin trong chip trên thẻ CCCD phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch dân sự... Thiết bị này do Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư, Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nghiên cứu kết hợp

sản xuất. Hiện nay, Công an cấp huyện đã được trang cấp và đang sử dụng.

Các thông tin gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Quê quán; ⁽⁵⁾ Dân tộc; ⁽⁶⁾ Tôn giáo; ⁽⁷⁾ Quốc tịch; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾ Số chứng minh đã được cấp; ⁽¹¹⁾ Ngày cấp; ⁽¹²⁾ Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); ⁽¹³⁾ Đặc điểm nhận dạng; ⁽¹⁴⁾ ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾ Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾ Số thẻ Căn cước công dân (số định danh cá nhân).

4. Người dân tra cứu, khai thác thông tin cá nhân trực tuyến trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để sử dụng khi thực hiện thủ tục hành chính, giao dịch dân sự, bằng cách:

Bước 1: Công dân truy cập trang web dân cư quốc gia theo địa chỉ: <https://dichvucong.dancuquocgia.gov.vn>

Bước 2: Đăng nhập tài khoản/ mật khẩu truy cập (*sử dụng tài khoản Cổng DVC quốc gia*); xác thực nhập mã OTP được hệ thống gửi về điện thoại.

Bước 3: Tại trang chủ, truy cập vào chức năng “Thông tin công dân” và nhập các thông tin theo yêu cầu: Họ tên, số định danh cá nhân, ngày sinh, số điện thoại, mã xác nhận. Sau đó, nhấn Tìm kiếm.

Bước 4: Thông tin cơ bản của công dân sẽ hiển thị trên màn hình gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Nơi thường trú; ⁽⁷⁾ Số định danh cá nhân; ⁽⁸⁾ Số chứng minh nhân dân.

5. Sử dụng ứng dụng VNeID hiển thị các thông tin trên các thiết bị điện tử để phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính, giao dịch dân sự (theo Quyết định số 34/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), bằng cách:

Bước 1: Công dân đến cơ quan Công an đăng ký tài khoản mức 2; thực hiện cài đặt ứng

7 PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG THÔNG TIN CÔNG DÂN THAY THẾ SỐ HỘ KHẨU



CÔNG AN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
PHÒNG CẢNH SÁT QLHC VỀ TTXH



Nguồn: Bộ Công an

dụng VNeID; thực hiện kích hoạt tài khoản trên thiết bị di động khi nhận được tin nhắn thông báo đăng ký tài khoản thành công theo các bước trong ứng dụng VNeID.

Bước 2: Sau khi được kích hoạt, việc sử dụng tài khoản định danh điện tử như sau:

(1) Công dân thực hiện đăng nhập một lần trên cổng dịch vụ công quốc gia (liên thông với cổng dịch vụ công của các Bộ, ngành, địa phương) với tên tài khoản là số định danh cá nhân và mật khẩu để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến. Tùy từng dịch vụ công trực tuyến, thông tin của công dân sẽ được điền vào biểu mẫu điện tử (Form), người dân không phải điền và không sửa được thông tin.

Các thông tin (tùy theo dịch vụ) gồm: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Quê quán; ⁽⁵⁾ Dân tộc; ⁽⁶⁾ Tôn giáo; ⁽⁷⁾ Quốc tịch; ⁽⁸⁾ Nơi thường trú; ⁽⁹⁾ Họ, chữ đệm và tên của cha, mẹ, vợ hoặc chồng; ⁽¹⁰⁾ Số chứng minh đã được cấp; ⁽¹¹⁾ Ngày cấp; ⁽¹²⁾ Ngày hết hạn (của thẻ CCCD); ⁽¹³⁾ Đặc điểm nhận dạng; ⁽¹⁴⁾ ảnh chân dung; ⁽¹⁵⁾ Trích chọn vân tay; ⁽¹⁶⁾ Số thẻ Căn cước, công dân (số định danh cá nhân).

(2) Sử dụng các thông tin hiển thị trên VNeID:

Công dân sử dụng tài khoản, mật khẩu đăng nhập ứng dụng VNeID trên thiết bị di động. Các thông tin căn cước công dân, thông tin dân cư được tích hợp hiển thị trên ứng dụng VNeID để người dân, cơ quan, tổ chức sử dụng để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và các giao dịch của người dân.

Thông tin hiển thị trên VNeID gồm: Số CCCD; Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Quốc tịch; Quê quán; Nơi thường trú; CCCD có giá trị đến; Đặc điểm nhận dạng; Ngày cấp, Số điện thoại.

(3) Các doanh nghiệp, tổ chức kết nối trực tiếp với hệ thống định danh xác thực điện tử của Bộ Công an để sử dụng xác thực điện tử tài khoản định danh điện tử của người dân.

6. Sử dụng giấy xác nhận thông tin về cư trú (ban hành kèm theo Thông tư số 56/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Công dân trực tiếp đến cơ quan đăng ký cư trú trong cả nước không phụ thuộc vào nơi cư trú của công dân để đề nghị cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc gửi yêu cầu xác nhận thông tin về cư trú qua dịch vụ công trực tuyến khi cần thiết (Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, Cổng dịch vụ công quản lý cư trú). Cơ quan đăng ký cư trú sẽ cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân dưới hình thức văn bản hoặc văn bản điện tử theo yêu cầu của công dân. Giấy xác nhận thông tin về cư trú có giá trị 30 ngày kể từ ngày cấp và có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp đối với

trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Cư trú xác nhận về việc khai báo cư trú.

Thời gian qua, Bộ Công an cũng đã chỉ đạo Công an các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, tạo điều kiện tối đa cho công dân khi giải quyết thủ tục cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú để thực hiện thủ tục hành chính khi có yêu cầu. Mẫu giấy Xác nhận thông tin về cư trú (mẫu CT07 ban hành kèm Thông tư số 56/2021/TT-BCA) đã có đầy đủ thông tin cá nhân, thông tin về nơi cư trú của công dân, thông tin về chủ hộ, mối quan hệ của các thành viên trong hộ gia đình, cụ thể: ⁽¹⁾ Số định danh cá nhân; ⁽²⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽³⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽⁴⁾ Giới tính; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Dân tộc; ⁽⁷⁾ Tôn giáo; ⁽⁸⁾ Quốc tịch; ⁽⁹⁾ Nơi thường trú; ⁽¹⁰⁾ Nơi tạm trú; ⁽¹¹⁾ Nơi ở hiện tại; ⁽¹²⁾ Họ tên chủ hộ, số định danh chủ hộ và Quan hệ với chủ hộ; ⁽¹³⁾ Họ, chữ đệm và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số định danh cá nhân của các thành viên hộ gia đình và quan hệ với chủ hộ.

7. Sử dụng Thông báo số định danh cá nhân và thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (theo quy định tại Thông tư số 59/TT-BCA ngày 15/5/2021 của Bộ Công an)

Bộ Công an đã chỉ đạo thực hiện cấp Thông báo số định danh và thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho 100% người dân chưa được cấp CCCD trên toàn quốc để người dân sử dụng giải quyết các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự cần chứng minh nơi cư trú của công dân.

Các thông tin trên Thông báo số định danh cá nhân: ⁽¹⁾ Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ⁽²⁾ Ngày, tháng, năm sinh; ⁽³⁾ Giới tính; ⁽⁴⁾ Nơi đăng ký khai sinh; ⁽⁵⁾ Quê quán; ⁽⁶⁾ Dân tộc; ⁽⁷⁾ Tôn giáo; ⁽⁸⁾ Quốc tịch; ⁽⁹⁾ Tình trạng hôn nhân; ⁽¹⁰⁾ Nơi thường trú; ⁽¹¹⁾ Nơi ở hiện tại; ⁽¹²⁾ Quan hệ với chủ hộ; ⁽¹³⁾ Nhóm máu; ⁽¹⁴⁾ Họ, chữ đệm và tên, của cha, mẹ; ⁽¹⁵⁾ Số định danh cá nhân./.

H.N

KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

■ NGỌC HIỀN

Năm 2022, tội phạm về trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được kiềm chế, kéo giảm, xảy ra, nắm được 537 vụ, so với năm 2019 (trước thời điểm trước dịch Covid-19) giảm 201 vụ, 27,24%, so với năm 2021 giảm 17 vụ¹, 3,07%; cơ cấu tội phạm không có đột biến, không để hình thành các băng, nhóm tội phạm nguy hiểm, hoạt động theo kiểu “xã hội đen”.



Công an phường Đông Ba - thành phố Huế bắt quả tang đối tượng N.Đ có hành vi tàng trữ trái pháp chất ma túy (Nguồn ảnh: Facebook An ninh trật tự Thừa Thiên Huế)

Trước diễn biến tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế đã chỉ đạo Công an tỉnh triển khai nhiều giải pháp, biện pháp, huy động sức mạnh hệ thống chính trị và quần chúng nhân dân cùng tham gia; tổ chức công tác phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh, chính quyền địa phương để nâng cao công tác phòng ngừa xã hội, phòng ngừa nghiệp vụ; chỉ đạo quyết liệt Công an các đơn vị, địa phương tập trung điều tra, xử lý, nhanh chóng bắt giữ các đối tượng gây án, ổn định dư luận trong nhân dân. Kết quả phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật đạt được như sau:

Với mục tiêu kiềm chế, kéo giảm các loại tội phạm, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã chỉ đạo Công an tỉnh chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành các chỉ thị, kế

¹ Số liệu không tính các vụ Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc.

hoạch, văn bản nhằm lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và quản lý Nhà nước trên lĩnh vực an ninh, trật tự; đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống tội phạm, nâng cao hiệu quả phòng ngừa xã hội... Qua đó, đã huy động, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và Nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Triển khai phương án xử lý, giải quyết một số tình huống cấp bách, phức tạp khi xảy ra vụ án đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện mục tiêu kéo giảm ít nhất 5% số vụ phạm tội về trật tự xã hội trên địa

bản tình. Chỉ đạo tập trung lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự và các kế hoạch đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội trên các tuyến, địa bàn trọng điểm theo các chuyên đề, hệ loại đối tượng; tập trung đấu tranh mạnh với tội phạm hoạt động theo ổ, nhóm, hoạt động lưu động (phát hiện, đấu tranh, triệt phá làm tan rã 20 nhóm tội phạm/155 đối tượng); đã điều tra, kết luận 498/537 vụ tội phạm về trật tự xã hội, đạt 92,74% (vượt 17,74% chỉ tiêu), trong đó án truy xét kết luận đạt 91,79% (436/475 vụ); án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng kết luận đạt 100% (41/41 vụ, vượt 10% chỉ tiêu). Do triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp nên tội phạm về trật tự xã hội giảm sâu so với cùng kỳ năm 2019 (-27,23%); không để xảy ra tội phạm sử dụng vũ khí nóng, không để hình thành tổ chức tội phạm hoạt động theo kiểu “xã hội đen”; trật tự, an toàn xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực.

Phá 46 chuyên án, các vụ án đặc biệt nghiêm trọng đều được điều tra, khám phá nhanh, một số chuyên án nổi bật là: phá chuyên án 622T “Đấu tranh chống tội phạm trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế” làm rõ, bắt khởi tố 02 đối tượng thực hiện hành vi trộm 12 cây vàng và 20.300 USD (Tổng tài sản bị mất giá trị trên 1,2 tỷ đồng); chuyên án 722T “Đấu tranh, chống tội phạm trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”, làm rõ, bắt khởi tố 01 đối tượng (có 03 tiền án về tội Trộm cắp tài sản) thực hiện hành vi trộm 1,7 tỷ; chuyên án 922X “Điều tra truy xét nhóm đối tượng trộm cắp xe máy liên tỉnh”, làm rõ, bắt khởi tố 02 đối tượng (cả 02 đều có 03 tiền án) thực hiện hành vi trộm xe máy, đấu tranh 02 đối tượng khai nhận từ đầu tháng 9/2022 đến ngày 22/9/2022 đã thực hiện 09 vụ trộm cắp xe máy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tăng cường đấu tranh với tội phạm liên quan đến cờ bạc, triệt xóa nhiều đường dây

đánh bạc lớn, bắt hàng chục đối tượng tham gia, nhất là các vụ cờ bạc, cá độ bóng đá qua mạng internet với số tiền đánh bạc hàng trăm tỷ đồng - phát hiện, đấu tranh, triệt xóa triệt xóa 96 tụ điểm/506 đối tượng liên quan đến tệ nạn xã hội đạt 181,13%. Thu giữ hơn 711 triệu đồng và một số công cụ, phương tiện, máy móc dùng để tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Xử lý hình sự 60 vụ/312 đối tượng, xử lý hành chính 34 vụ việc/178 đối tượng.

- Công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm sử dụng công nghệ cao, được tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt. Phát hiện 47 vụ việc liên quan sử dụng công nghệ cao, vượt 11,9% chỉ tiêu của cả năm (47/42 vụ việc); trong đó: khởi tố 42 vụ/40 vụ, vượt 5% chỉ tiêu của cả năm; khởi tố 03 vụ/12 bị can phạm tội về lĩnh vực công nghệ thông tin mạng viễn thông (đạt 100% chỉ tiêu cả năm), đặc biệt, đã tập trung chỉ đạo đấu tranh, phá chuyên án tội phạm Đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông, làm rõ 04 đối tượng có hành vi mua và quản lý trái phép khoảng 6,2 triệu thông tin cá nhân trên cả nước (trong đó, tại Thừa Thiên Huế có 75.685 thông tin dữ liệu cá nhân), thu lợi bất chính số tiền hơn 2,3 tỉ đồng. Xử lý 07 trường hợp cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, phạt tiền hơn 34 triệu đồng.

- Công tác đấu tranh với tội phạm và tệ nạn ma túy được tổ chức thực hiện hiệu quả theo hướng chuyển dịch của tội phạm và tệ nạn ma túy. Tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt Phương án 02 của Bộ Công an và Phương án 3632 của C04 về phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy trên tuyến Bắc miền Trung - Tây Nguyên tại địa bàn tỉnh, không để ma túy thâm lậu qua các cửa khẩu, đường mòn, lối mở trên địa bàn; triệt phá các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy tổng hợp với số lượng lớn từ ngoài vào địa bàn; chuyển hóa các địa bàn phức tạp về ma túy tại địa bàn cơ sở (đường Trần Huy Liệu, TP Huế), không để tội phạm ma túy và tệ nạn ma túy diễn biến

phức tạp hơn. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy. Đẩy mạnh công tác lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính người nghiện, người sử dụng ma túy; đã lập hồ sơ đưa 40 trường hợp đi cơ sở cai nghiện bắt buộc, đạt 100% (40/40) chỉ tiêu của cả năm. Đã phát hiện, xử lý hình sự 134 vụ/232 đối tượng, so với cùng kỳ năm 2021 phát hiện nhiều hơn 20 vụ (17,54%), đạt 100% chỉ tiêu của cả năm; trong đó, phá 17 chuyên án đấu tranh với tội phạm mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, bắt 30 đối tượng, nổi bật là đã phá 02 chuyên án, bắt 02 đối tượng tàng trữ, vận chuyển trái phép hơn 20.000 viên ma túy tổng hợp; phát hiện, triệt xóa 16 điểm tổ chức, sử dụng trái phép chất ma túy tại các cơ sở kinh doanh có điều kiện.

- Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự quản lý kinh tế, tham nhũng và chức vụ tiếp tục được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm. Phát hiện 148 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, vượt 18,4% chỉ tiêu cả năm; trong đó: Bắt, xử lý hình sự 28 vụ/35 đối tượng phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, vượt 75% chỉ tiêu của cả năm; phát hiện, khởi tố 04 vụ/04 đối tượng tham ô tài sản, vượt 300% chỉ tiêu của cả năm về phát hiện, khởi tố; xử lý hành chính 112 vụ/112 trường hợp, phạt tiền hơn 1,2 tỉ đồng. Phá 08 chuyên án, làm rõ 12 đối tượng, đặc biệt, đã phá chuyên án, khởi tố 01 vụ/02 bị can là Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh vi phạm Quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng liên quan việc mua sắm vật tư y tế phòng, chống dịch Covid-19 và chuyên án đấu tranh với tội phạm Mua bán trái phép hóa đơn, làm rõ, khởi tố 03 bị can đã mua bán trái phép 3.856 hóa đơn giá trị gia tăng, với tổng trị giá gần 35 tỷ đồng.

Tiếp tục rà soát, đấu tranh đối với tội phạm hoạt động cho vay lãi nặng, phát hiện, xử lý hình sự 10 vụ/13 đối tượng hoạt động cho vay

lãi nặng trong giao dịch dân sự, điển hình: phá chuyên án 122Đ bắt 02 đối tượng gồm Nguyễn Bá Hải (sinh năm 1986) và Nguyễn Văn Vũ (sinh năm 1993, cả 02 đối tượng đều trú tại tỉnh Thanh Hóa), các đối tượng đã cho người dân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vay 6,6 tỷ đồng, số tiền thu lợi bất chính hơn 177 triệu đồng. Bên cạnh đó, tổ chức hơn 872 buổi tuyên truyền, phát trên loa, đài phát thanh tổng cộng hơn 6.291 lượt; chiếu hơn 32 lượt phóng sự và 67 bài viết đăng trên các trang báo thông báo những phương thức, thủ đoạn và hậu quả từ việc vay nặng lãi để cảnh báo cho Nhân dân; chỉ đạo chính quyền địa phương tổ chức 265 đợt ra quân bóc gỡ tờ rơi giới thiệu cho vay, quảng cáo vay không thể chấp dãn ở các cột điện, tường nhà dân, thu gom hơn 16.552 tờ rơi tại các địa bàn công cộng.

Công tác đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường được thực hiện hiệu quả. Tập trung tham mưu, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công an trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực môi trường. Chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các kế hoạch chuyên đề phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường; đồng thời, tăng cường phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm, phát hiện 355 vụ, vượt 1,4% chỉ tiêu cả năm; xử lý hình sự 05 vụ/08 đối tượng; xử lý hành chính 317 vụ/338 trường hợp, phạt tiền gần 3,4 tỉ đồng.

Công tác bắt, vận động đối tượng truy nã được tập trung chỉ đạo thực hiện cơ bản đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra. Chỉ đạo mở các đợt cao điểm rà soát, xác minh truy bắt, vận động đầu thú, thanh loại đối tượng truy nã; tập trung lực lượng thực hiện quyết liệt, có hiệu quả công tác truy nã, truy tìm; rà soát, bắt, vận động 13 đối tượng truy nã (trong đó, bắt 05/10 đối tượng truy nã trong nước, bắt 08/10 đối tượng truy nã mới phát sinh); hiện toàn tỉnh còn 20 đối tượng./.

N.H

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ TRONG LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH (SỬA ĐỔI)

■ THANH PHONG

Chiều ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại Nhà Quốc hội, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Quốc hội tiến hành biểu quyết thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi). Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Theo đó, dự thảo Luật có 5 nhóm điểm mới, cụ thể:

Thứ nhất, với phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người và lấy người bị bạo lực gia đình làm trung tâm, sửa đổi, bổ sung các hành vi bạo lực gia đình; sửa đổi, bổ sung nhóm đối tượng được áp dụng tương tự; bổ sung quy định để tăng tính khả thi áp dụng Luật đối với người nước ngoài cư trú ở Việt Nam.

Thứ hai, thực hiện phòng ngừa bạo lực gia đình chủ động, trong “phòng” có “chống”, trong “chống” có “phòng”.

Thứ ba, sửa đổi, bổ sung các biện pháp bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình để khắc phục những bất cập của Luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.



Quốc hội tiến hành biểu quyết thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi). Nguồn ảnh: Quốc Hội

Thứ tư, khuyến khích xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình, đồng thời nâng cao trách nhiệm của Nhà nước trong bố trí nguồn lực cho phòng, chống bạo lực gia đình để hướng tới xây dựng và phát triển các cơ sở trợ giúp về phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả.

Thứ năm, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình và cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng, chống bạo lực gia đình. Một trong các chính sách quan trọng, có tác động lớn đến xã hội của dự thảo được nhiều người quan tâm đó là vấn đề hòa giải trong bạo lực gia đình. Đây là một trong các biện pháp quan trọng nhằm mục đích phòng ngừa bạo lực gia đình, tăng cường bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình đã được dự thảo Luật quy định.

Có thể nói, hòa giải được xem là biện pháp phổ biến để áp dụng xử lý các mâu thuẫn, tranh chấp phát sinh trong đời sống xã hội của cộng đồng dân cư, trong đó bao gồm cả mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình. Việc xử lý mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình từ sớm sẽ giúp nhằm giảm thiểu nguy cơ mâu thuẫn, tranh chấp thành bạo lực gia đình. Đây là quy định mang tính nhân văn đã được luật hóa trong Luật Hòa giải cơ sở.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, tương tự như việc hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã thì việc hòa giải ở cơ sở cũng có những điểm khác biệt với hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình. Nếu như đối với hòa giải ở cơ sở, việc hóa giải các mâu thuẫn, tranh chấp được xem là biện pháp xử lý thì hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình chỉ là biện pháp mang tính “phòng ngừa”; bởi đích đến của hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là để ngăn ngừa bạo lực gia đình. Tuy nhiên, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007 và Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 lại chưa có quy định cụ thể để phân biệt/làm rõ những yếu tố đặc thù này, do đó dẫn đến tình trạng các địa phương áp dụng hòa giải là biện pháp xử lý vụ việc bạo lực gia đình. Điều này dẫn đến trường hợp một số vụ việc đã hòa giải thì người có hành vi bạo lực gia đình không bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự và ngược lại, một số vụ việc, người có hành vi bạo lực gia đình đã bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc hình sự thì không tiếp tục thực hiện hòa giải.

Trong quan hệ gia đình, thành viên khi bị xử phạt hành chính thậm chí là truy cứu trách nhiệm hình sự thì việc xử phạt đó chỉ giải quyết được mặt xử lý hành vi vi phạm mà không giải quyết được vấn đề mâu thuẫn, tranh chấp dẫn đến vi phạm. Điều này dẫn đến, các mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình không được giải quyết triệt để. Không ít trường hợp, người có hành vi bạo lực sau khi

bị xử phạt hành chính vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình.

Bên cạnh đó, một bộ phận người dân và cán bộ chính quyền chưa phân biệt được trường hợp nào là bạo lực gia đình, trường hợp nào là mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình. Vì vậy, dù đã xảy ra bạo lực gia đình nhưng không ít vụ việc vẫn chỉ thực hiện hòa giải mà không thực hiện biện pháp xử lý để răn đe, giáo dục người có hành vi bạo lực. Việc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với những vụ bạo lực gia đình dẫn đến tình trạng bạo lực gia đình kéo dài và để lại hậu quả nghiêm trọng.

Mặt khác, hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình không chỉ có Tổ hòa giải ở cơ sở thực hiện mà thành viên gia đình, dòng họ, cơ quan, tổ chức cũng có vai trò quan trọng trong hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình, thậm chí mâu thuẫn, tranh chấp đã thành bạo lực gia đình thì việc hòa giải vẫn cần thực hiện để phòng ngừa bạo lực tái diễn. Song, việc hòa giải phải không được coi là biện pháp xử lý, người có hành vi bạo lực gia đình ở mức độ nào thì phải xử lý theo quy định của pháp luật tương ứng với hành vi đó.

Ngoài ra, những người tham gia hòa giải, đặc biệt là các hòa giải viên của Tổ hòa giải ở cơ sở tuy đã đáp ứng tiêu chí theo quy định của pháp luật về hòa giải cơ sở nhưng vẫn chưa được bồi dưỡng kiến thức pháp luật và bồi dưỡng chuyên sâu về phòng, chống bạo lực gia đình, nhạy cảm giới trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Quay trở lại với Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007, sau 15 năm triển khai và thi hành, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đã thể chế hóa bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; điều chỉnh các quan hệ gia đình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong Phòng, chống bạo lực gia đình; tạo cơ sở pháp lý trong việc ban hành chính sách về phòng, chống bạo lực gia đình. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, trong

quá trình triển khai thi hành Luật cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho công tác Phòng, chống bạo lực gia đình, phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam cũng như chuẩn mực quốc tế. Nguyên nhân chung được xác định là do Luật Phòng, chống bạo lực gia đình không quy định rõ những trường hợp thế nào thì được gọi là mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình và những trường hợp nào được coi là hành vi bạo lực gia đình. Cụ thể như sau:

- Khoản 2 Điều 1 định nghĩa nội hàm khái niệm bạo lực gia đình khá rộng nhưng tại Khoản 1 Điều 2 chỉ quy định 9 hành vi bạo lực gia đình. Trong thực tế, các hành vi bạo lực gia đình rất đa dạng. Nói cách khác, 9 hành vi bạo lực gia đình (tại Khoản 1 Điều 2) chưa thể hiện được đầy đủ nội hàm của khái niệm bạo lực gia đình quy định tại Khoản 2 Điều 1 cũng như chưa phản ánh được hết thực tiễn đã và đang diễn ra. Điều này dẫn đến cách hiểu khác nhau về bạo lực gia đình cũng như nhận diện hành vi bạo lực gia đình, dẫn đến sự thiếu thống nhất khi thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực gia đình ở các địa phương.

- Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là lĩnh vực có chứa yếu tố bình đẳng giới, nhạy cảm giới. Do đó, ngoài việc hiểu biết pháp luật, có uy tín ở cộng đồng dân cư, thành viên tổ hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình còn là người phải có những kiến thức về giới hoặc đã được tập huấn về bình đẳng giới/nhạy cảm giới, về kiến thức phòng, chống bạo lực gia đình.

Để khắc phục những vấn đề bất cập trong Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; thúc đẩy công tác phòng, ngừa bạo lực gia đình, góp phần bảo vệ người bị bạo lực, có biện pháp mạnh răn đe người gây ra bạo lực, công tác hòa giải trong bạo lực gia đình cần được chú trọng và nâng cao về chất lượng, góp phần củng cố niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị - xã hội. Để nâng cao hiệu quả của công tác hòa giải, đặc biệt là hòa giải

trong lĩnh vực gia đình, dự thảo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) đã tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản, gồm:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để làm rõ các khái niệm liên quan đến bạo lực gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình; quy định cụ thể về các nội dung liên quan đến công tác thông tin tuyên truyền trong phòng, chống bạo lực gia đình;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục hành chính và điều kiện xử lý vụ việc bạo lực gia đình, các quy định về cấm tiếp xúc. Quy định cụ thể nội dung quản lý Nhà nước, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong phòng, chống bạo lực gia đình nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực thi pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

- Bổ sung các biện pháp đảm bảo để xây dựng và duy trì cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

- Bổ sung quy định trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương đối với nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình;

- Bổ sung các quy định nhằm tăng cường biện pháp và sự hiệu quả trong bảo vệ nạn nhân bạo lực gia đình và chất lượng hòa giải, tư vấn trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Như vậy, xuất phát từ những yêu cầu của xã hội, hệ thống pháp luật, vấn đề bảo đảm giới và thủ tục hành chính, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sửa đổi) đã quy định về vấn đề hòa giải ở cơ sở trong phòng, chống bạo lực gia đình một cách đầy đủ và rõ ràng hơn. Qua đó, bảo đảm quyền con người, đặc biệt là đối tượng đặc thù như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, ưu tiên nguyện vọng chính đáng, sự an toàn là trên hết của người bị bạo lực gia đình, đồng thời tôn trọng các quyền của công dân khi xử lý các hành vi vi phạm về bạo lực gia đình; góp phần gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của gia đình, dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

T.P

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM 10 NĂM HƯỞNG ỨNG NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

■ NHƯ NGỌC

Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là sự kiện có ý nghĩa chính trị - pháp lý quan trọng của đất nước, nhằm tôn vinh, nâng cao nhận thức về Hiến pháp, pháp luật, ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Nhằm hưởng ứng thiết thực Ngày Pháp luật Việt Nam nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2022, trong những ngày qua, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức các chương trình, hoạt động ý nghĩa, có sức lan tỏa nhằm lan tỏa hiệu ứng về một tinh thần “hiểu pháp luật để sống đúng, sống hạnh phúc”. Một số hoạt động cụ thể đã được diễn ra thành công như:

Sáng ngày 09/11/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và 10 năm hưởng ứng Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cũng tại Hội nghị này, Hội đồng Phối hợp, phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức tổng kết, trao giải cho các tập thể, cá nhân đạt giải trong cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy trong học sinh, sinh viên”. Đây là cuộc thi nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong tìm hiểu kiến thức pháp luật về phòng, chống ma túy, góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy trong học đường; đồng thời phát huy hiệu quả và chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Qua một tháng phát động, Cuộc thi đã thu hút được 37.322 lượt người dự thi, 67 đơn vị trường học trên toàn tỉnh tham

gia, trong đó có 1.394 lượt trả lời đúng 14/14 câu hỏi trắc nghiệm. Kết quả, Ban tổ chức trao giải Nhất tập thể cho Trường THPT Bùi Thị Xuân, giải Nhì cho Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế, trao 02 giải ba và 04 giải khuyến khích cho các tập thể; về cá nhân, em Nguyễn Thùy Trinh, Trường THPT Bùi Thị Xuân đạt giải Nhất, em Trương Diễm Phước, Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Hương Thủy đạt giải Nhì; 02 em đạt giải 3 và 04 em đạt giải khuyến khích. Với kết quả này, có thể nói cuộc thi đã nhận được sự quan tâm, phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh, đặc biệt là các đơn vị trường học trong phát động cuộc thi; kết quả cuộc thi cho thấy vai trò, tầm quan trọng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL.

Cùng ngày, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tổ chức Ngày pháp luật với các nội dung tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người Việt Nam ở nước ngoài, bao gồm các quy định về cư trú, hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, bầu cử, xuất cảnh, nhập cảnh; đất đai, nhà ở; các quy định về chính sách bảo hộ của Nhà nước Việt Nam đối với công dân Việt Nam tại nước ngoài cũng như chính sách của Nhà nước Việt Nam trong việc ưu đãi, thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam trong mọi lĩnh vực và tổ chức cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người Việt Nam ở nước ngoài” cho toàn thể cán bộ, công chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị Tòa án các cấp.

Tại thành phố Huế, để hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022, đồng thời,

nhằm nâng cao kiến thức pháp luật về các lĩnh vực “nóng” hiện nay như: chuyển đổi số, thừa kế, hôn nhân và gia đình; sáng ngày 10/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Huế đã tổ chức Hội nghị Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2022 cho hơn 100 đại biểu là các cán bộ công chức, viên chức và người lao động của thành phố. Qua đó, giúp cán bộ công chức kịp thời nắm bắt được các quy định của pháp luật để thực hiện tốt công tác tham mưu quản lý nhà nước trên các lĩnh vực do mình quản lý.

Song song với các hoạt động do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức, các đoàn thể trên địa bàn tỉnh cũng đã sôi nổi hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam như: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 03 Đề án “Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp tinh Thừa Thiên Huế”; “Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tham gia giữ gìn trật tự an toàn giao thông cho thanh thiếu niên”; “Tuổi trẻ Thừa Thiên Huế chung tay xây dựng nông thôn mới và nếp sống văn minh đô thị” giai đoạn 2018 - 2022 (03 Đề án). Tại Hội nghị, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn đã tuyên dương 14 thanh niên có các mô hình thanh niên phát triển kinh tế tiêu biểu và tặng bằng khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện các Đề án nêu trên. Hội Bảo vệ quyền trẻ em tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Đoàn Luật sư tỉnh và Trường Trung học cơ sở Chu Văn An tổ chức “Phiên tòa giả định” với chuyên đề: “tuyên truyền, phổ biến pháp luật phòng, chống bạo lực học đường năm 2022” cho hơn 500 em học sinh. Qua đó, giúp cho các em học sinh có hành vi xử sự phù hợp với các quy định của pháp luật, góp phần phòng, chống vi phạm pháp luật nói chung và bạo lực học



Một số hoạt động kỷ niệm 10 năm hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

đường nói riêng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và giáo dục mọi người nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật...

Nhìn chung, với cột mốc năm 2022 là năm thứ 10 cả nước thực hiện hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam; các chương trình hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam trên toàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã góp phần khẳng định, làm sâu sắc thêm mục đích, ý nghĩa của Ngày Pháp luật Việt Nam và vai trò của pháp luật đối với đời sống xã hội, đồng thời thông qua các hoạt động ý nghĩa này để đưa Ngày Pháp luật Việt Nam trở thành sự kiện chính trị, pháp lý có ý nghĩa sâu sắc, thiết thực, qua đó đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam./.

N.N

BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

■ HỮU BÌNH

1. Khái quát chung về Báo cáo viên pháp luật (BCVPL) và vị trí, vai trò của BCVPL trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Khái quát chung về BCVPL

Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

Căn cứ theo phạm vi hoạt động, Thông tư số 10/2016/TT-BTP chia thành 03 nhóm: BCVPL Trung ương được thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên phạm vi toàn quốc; BCVPL cấp tỉnh thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp tỉnh nơi công nhận báo cáo viên pháp luật; BCVPL cấp huyện thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp huyện nơi công nhận báo cáo viên pháp luật. Ngoài ra, để thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp xã, Thông tư quy định về Tuyên truyền viên pháp luật đó UBND cấp xã công nhận.

Về chủ thể: BCVPL phải là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân. Những người này khi đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định thì được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận, cụ thể: Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật Trung ương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận

báo cáo viên pháp luật huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

Về cơ chế hoạt động: BCVPL hoạt động theo cơ chế kiêm nhiệm. BCVPL tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị về lĩnh vực hoạt động chuyên môn chuyên sâu mà báo cáo viên pháp luật được phân công kiêm nhiệm trên cơ sở giới thiệu của cơ quan đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật.

Nhiệm vụ của BCVPL là thực hiện hoạt động PBGDPL. Các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định khái niệm “phổ biến, giáo dục pháp luật” và “hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật”. Theo các tài liệu nghiệp vụ PBGDPL, phổ biến, giáo dục pháp luật - một khâu của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật - được hiểu theo nghĩa chung nhất là hoạt động định hướng có tổ chức, có chủ định nhằm mục đích hình thành ở đối tượng được tác động tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành.

BCVPL có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 36 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, cụ thể: Báo cáo viên pháp luật có các quyền sau đây: Được cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; được hưởng thù lao và chế độ theo quy định của pháp luật. Báo cáo viên pháp luật có các nghĩa vụ sau đây: Thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo

sự phân công; truyền đạt chính xác nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật; không được tiết lộ bí mật nhà nước và thực hiện các hành vi bị cấm khác; hằng năm, báo cáo về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật do mình thực hiện với cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

Trong giai đoạn hiện nay và xu hướng thời gian tới, yêu cầu đối với BCV PL tiếp tục lên cấp bậc mới, đó khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh phát triển của mạng xã hội, là một thử thách mới đối với BCVPL khi “dấn thân” tiếp cận với cả thế giới.

Vị trí, vai trò của BCVPL trong công tác PBGDPL

Để công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đạt hiệu quả, phải đa dạng hóa các hình thức thực hiện phù hợp với từng đối tượng, địa bàn, nội dung, yêu cầu nhiệm vụ chính trị, mục tiêu thực hiện.

Bên cạnh việc áp dụng đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật là sự kết hợp linh hoạt giữa các hình thức để tạo nên tính sinh động, hấp dẫn, tăng hiệu quả thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật.

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật nêu lên 8 nhóm hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật. Trong đó, có hình thức yêu cầu phải có sự tham gia trực tiếp của của Báo cáo viên pháp luật với vai trò chính, đó là phổ biến pháp luật trực tiếp. Nói cách khác, việc tập trung một nhóm người để nghe Báo cáo viên triển khai, giới thiệu về một nội dung pháp luật, một chủ đề pháp lý, thông thường được tổ chức qua hình thức hội nghị, hội thảo, sinh hoạt, lớp đào tạo, bồi dưỡng,...

Một số hình thức khác, có thể có sự tham gia một cách linh động, phù hợp của Báo cáo viên pháp luật,

như: tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; thông qua qua các phương tiện thông tin đại chúng; thi tìm hiểu pháp luật,... Qua đó, vừa phát huy vai trò của BCV pháp luật, vừa nâng cao hiệu quả của hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật.

Theo kết quả ghi nhận tại Báo cáo của Hội đồng phối hợp, phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hiện nay Thừa Thiên Huế có 109 Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 191 Báo cáo viên pháp luật cấp huyện và 1.581 tuyên truyền viên pháp luật cấp xã. Đội ngũ BCVPL, TTVPL cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, góp phần quan trọng vào kết quả chung của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Từ những yêu cầu đối với BCVPL và thực tiễn hoạt động của BCVPL cho thấy, đội ngũ này có vị trí, vai trò quan trọng, không thể thiếu trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, là một trong những nhân tố then chốt, tác động trực tiếp đến hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.



Báo cáo viên pháp luật Sở Tư pháp trình bày chuyên đề Quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em tại UBND phường Phú Hộ - thành phố Huế

2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả BCVPL trong giai đoạn hiện nay

Bên cạnh những kết quả đã được trong công tác PBGDPL của đội ngũ BCVPL, qua thực tiễn hoạt động có một số hạn chế, vướng mắc, đó là tình trạng vừa thừa nhưng lại vừa thiếu BCVPL, nhất là BCVPL chuyên sâu; kỹ năng của một số BCVPL chưa cao; một số BCVPL còn mang tính danh nghĩa,... Những hạn chế, vướng mắc này có nguyên nhân chủ yếu từ thể chế, công tác xây dựng, quản lý, sử dụng đội ngũ BCVPL, từ chính BCVPL. Từ thực tiễn đó, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả BCVPL trong giai đoạn hiện nay như sau:

Tiếp tục nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng về vị trí, vai trò của BCVPL trong công tác PBGDPL một cách đầy đủ. Qua đó, khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của BCVPL, từ đó cơ quan, tổ chức có sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ đối với hoạt động của BCVPL, xây dựng, phát triển, quản lý, sử dụng có hiệu quả tốt nhất đội ngũ BCVPL nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Hoàn thiện thể chế

Hiện nay, BCV PL được quy định chung trong Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; quy định chi tiết tại Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; về chế độ, chính sách được quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và cụ thể hóa tại Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 12/6/2015

của UBND tỉnh về việc quy định mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về cơ bản, hệ thống pháp luật liên quan đến BCVPL cơ bản toàn diện, đầy đủ. Bên cạnh đó, cần khắc phục một số tồn tại, hạn chế từ các quy định pháp luật để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ BCVPL trên thực tế, như:

- Xác định rõ phạm vi, trách nhiệm hoạt động của BCVPL. Theo quy định chung về BCVPL tại khoản 1 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, thì BCVPL có nhiệm vụ “thực hiện hoạt động PBGDPL”. Phạm vi này quá rộng so với chức năng của BCVPL, đó là những người trực tiếp thực hiện hình thức tuyên truyền miệng pháp luật, là một hình thức trong hoạt động PBGDPL.

- Cụ thể hóa cơ chế thực hiện một số quyền của BCVPL được quy định tại Điều 36 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (Được cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật).

- Theo quy định, BCVPL hoạt động kiêm nhiệm và thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công. Quy định này phù hợp với tính chất quản lý nhà nước của cơ quan, tổ chức đối với cán bộ, công chức, viên chức là BCVPL. Bên cạnh đó, xem xét quy định thêm cơ chế BCVPL có thể được chủ động tham gia PBGDPL trên cơ sở có sự báo cáo, cho phép của cơ quan quản lý. Từ đó, phát huy cao hơn vai trò, trách nhiệm của BCVPL trong hoạt động PBGDPL.

- Khoản 2 Điều 35 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định về tiêu chuẩn của BCVPL, trong đó có tiêu chuẩn “Có bằng tốt nghiệp đại học luật và thời gian công tác trong lĩnh vực pháp luật ít nhất là 02 năm; trường hợp không có bằng tốt nghiệp đại học luật, nhưng có bằng

tốt nghiệp đại học khác thì phải có thời gian công tác liên quan đến pháp luật ít nhất là 03 năm”. Các văn bản chưa quy định rõ thế nào là “có thời gian công tác liên quan đến pháp luật”.

- Nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của BCVPL phù hợp với tính chất, nhiệm vụ của BCVPL. Trên cơ sở đó có sự phân loại, xem xét về chế độ, chính sách hợp lý để khuyến khích đội ngũ BCVPL không ngừng học tập, nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Xây dựng đội ngũ BCVPL có tính chuyên nghiệp cao, chuyên môn sâu

- Thông tư số 10/2016/TT-BTP quy định các cơ quan, tổ chức, đoàn thể phải bảo đảm mỗi lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên sâu có ít nhất 01 báo cáo viên pháp luật kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật (khoản 4 Điều 3); và khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị về lĩnh vực hoạt động chuyên môn chuyên sâu thì cơ quan đề nghị công nhận BCVPL có trách nhiệm giới thiệu BCVPL trong lĩnh vực đó (điểm đ khoản 1 Điều 8).

Do đó, khi xây dựng đội ngũ BCVPL cần chú trọng xây dựng BCVPL có tính chuyên môn sâu theo phạm vi quản lý nhà nước. Thông thường, các cơ quan, tổ chức thường lựa chọn người có bằng tốt nghiệp đại học luật (đa số thường công tác tại bộ phận pháp chế, thanh tra, văn phòng) để giới thiệu làm BCVPL, dẫn đến tình trạng thiếu BCVPL trong các lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu. Từ thực tế này, để BCVPL hoạt động hiệu quả, việc xây dựng đội ngũ BCVPL cần chú

trọng hơn về tính chuyên môn chuyên sâu của BCVPL.

- Trong giai đoạn hiện nay, để đáp ứng yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền, cần xây dựng đội ngũ BCVPL có tính chuyên nghiệp cao, có phương pháp thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật trực tiếp phù hợp với từng đối tượng, nội dung, mục tiêu, có phương pháp tham gia phổ biến pháp luật trực tuyến, qua mạng xã hội.

Quản lý và sử dụng hiệu quả

Hiện nay, xét về số lượng báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Báo cáo viên công tác trong nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, vẫn có tình trạng thiếu báo cáo viên pháp luật hoặc báo cáo viên pháp luật không đáp ứng yêu cầu. Một số giải pháp đặt ra đối với công tác quản lý và sử dụng đội ngũ BCVPL để có hiệu quả:

- Triển khai đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến BCVPL, quyền của BCVPL: cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; đăng tải đầy đủ danh sách BCVPL lên Cổng/Trang thông tin điện tử để

- Tạo điều kiện về thời gian và cơ sở vật chất để BCVPL tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Thực hiện giải pháp đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với từng BCVPL để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của BCVPL./.

H.B

NHỮNG THAY ĐỔI VÀ THÍCH ỨNG CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐỂ XỬ LÝ CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

TS. HÀ LỆ THỦY
THS. ĐẶNG THỊ HÀ
Trường Đại học Luật - Đại học Huế

Đại dịch Covid xảy ra đã tác động và ảnh hưởng sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Việt Nam cũng là đất nước chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch. Để đảm bảo công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19, Nhà nước đã và đang triển khai áp dụng mạnh mẽ, quyết liệt nhiều biện pháp, trong đó, phải kể đến các hành lang pháp lý - công cụ quan trọng để điều chỉnh và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan. Cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam cần phải cân bằng giữa các biện pháp phòng chống dịch bệnh (như thực hiện giãn cách xã hội, hạn chế đi lại, công bố thông tin về dịch bệnh...) với việc tôn trọng và bảo đảm các quyền dân sự và chính trị của người dân, đặc biệt là nhóm dễ bị tổn thương. Do vậy, để đảm bảo các quy định về “giới hạn quyền vì lý do sức khỏe cộng đồng” trong hệ thống pháp luật Việt Nam được xây dựng và thực hiện phải phù hợp với các yêu cầu của Công ước về quyền dân sự và chính trị 1948, trong đó tập trung vào 4 nhóm quyền chính là quyền không phân biệt đối xử (bao gồm bình đẳng giới); quyền riêng tư; quyền tiếp cận thông tin và quyền tự do đi lại. Ngoài ra, để xử lý đối với các hành vi phát sinh trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, pháp luật cũng cần phải đề ra các chính sách xử lý sao cho vừa đảm bảo quyền của con người nhưng đồng thời cũng vừa đảm bảo xử lý kịp thời, nghiêm khắc nhằm răn đe, cảnh báo với những người khác. Để xử lý hành vi không chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và các hành vi khác có liên quan, pháp luật hiện hành đã có khung pháp lý trong đó đầy đủ, rõ ràng, minh bạch. Gắn liền

với từng giai đoạn bùng phát dịch bệnh, các cơ quan nhà nước đã có những đánh giá, dự liệu để kịp thời bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện hơn.

1. Những thay đổi của pháp luật Việt Nam để xử lý các vi phạm hành chính trong bối cảnh đại dịch covid bùng phát

Khi Đại dịch COVID-19 đã bắt đầu bùng phát tại Việt Nam, ngoài những quy định trước đây, Chính phủ và nhà nước cũng đã có những động thái chính thức và kịp thời nhanh chóng để ban hành mới các văn bản có liên quan đến việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; thay đổi mức độ xử phạt và bổ sung thêm nhiều quy định để đáp ứng mức độ phức tạp của đại dịch COVID-19. Điều này cũng phù hợp với tinh thần Nghị quyết 86/NQ-QH của Quốc hội ngày 6 tháng 8 năm 2021 về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đó là: “*Xử lý nghiêm các vi phạm, kể cả xử lý hình sự theo quy định của pháp luật đối với mọi hành vi không tuân thủ, cản trở, chống đối việc thực hiện các quy định, biện pháp phòng, chống dịch bệnh của cơ quan có thẩm quyền*”¹. Cụ thể là:

¹ Điểm b, khoản 1, điều 1 của Nghị quyết 86/NQ-QH của Quốc hội ngày 6 tháng 8 năm 2021 về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh covid-19 để thực hiện nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV

Andras Jakab (2019). *German Constitutional Law and Doctrine on State of Emergency – Paradigms and Dilemmas of a Traditional (Continental) Discourse*, *German Law Journal*, Volume 7, Issue 5.



(Nguồn ảnh: sưu tầm)

Một trong những cơ sở nền tảng của hoạt động ban hành chính sách pháp luật về xử lý hành chính nhằm ứng phó và thích nghi với các vấn đề khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh là việc Quốc hội cho phép Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn đối với những trường hợp khẩn cấp và để giải quyết những vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn². Đây là quy định hết sức quan trọng, chưa có tiền lệ trước đây, tạo hành lang pháp lý cho Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong quá trình quản lý cũng như kịp thời phản ứng nhanh trước những vấn đề khẩn cấp có thể xảy ra trong tương lai³.

Để nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định 117/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế ngày 28/09/2020, thay thế Nghị định 176/2013 / NĐ-CP. Nghị định 117 được ban hành trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp. Thực tế các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống dịch ngày càng tăng về số lượng

và phức tạp về tính chất, hơn nữa, các quy định xử lý trong Nghị định số 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực y tế còn chưa đủ bao quát, chế tài xử phạt còn khá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm, cho nên chưa đủ sức răn đe. Vì vậy, nghị định mới hầu hết đều tăng mức phạt tiền từ hai lần đến mười lần so với mức xử phạt vi phạm hành chính về y tế dự phòng trước đây, đặc biệt là liên quan đến phòng, chống đại dịch COVID-19, từ 3.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Tiếp theo đó là Nghị định số 15/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử. Đây là văn bản chủ yếu quy định các chế tài xử lý hành vi cung cấp nội dung thông tin sai sự thật, xuyên tạc, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19. Nghị định này được xem như là phương thuốc mạnh hơn để ngăn chặn thông tin giả, sai lệch, gây hoang mang dư luận; đồng thời là yếu tố góp phần xây dựng văn hóa mạng.

Đáng chú ý là gần đây nhất, trên cơ sở Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020, ngày 10/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 07/2022/NĐ-CP về sửa đổi,

² Khoản 44, Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung năm 2020

³ Điểm 3.3. Mục 1 Nghị quyết số 30/2021/NQ-QH Kỳ họp thứ nhất Quốc Hội khóa 15

bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2019/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, thú y, chăn nuôi với những điều chỉnh để giảm mức tiền phạt đối với một số hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ động vật hoang dã. Trong khi đó, Nghị định 124/2021/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm và 35 điều Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế đã tăng mức tiền phạt trong lĩnh vực y tế.

2. Đánh giá thực trạng những thay đổi trong các qui định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19

Việc Quốc hội trao thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thủ tục rút gọn trong trường hợp cấp bách hay khẩn cấp do dịch bệnh covid tạo cơ sở để Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện các biện pháp chống dịch một cách quyết liệt, toàn diện và hiệu quả và điều này được cho là cần thiết trong điều kiện dịch bệnh bùng phát. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay chưa có Luật về tình trạng khẩn cấp cũng như các quy định về các biện pháp đặc biệt được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp vì vậy, việc trao cho Chính phủ hay chính quyền địa phương ban hành văn bản trong tình trạng khẩn cấp sẽ tạo nên những áp lực nhất định cho Chính phủ⁴. Đặc biệt, việc ban hành văn bản trong thời gian quá ngắn và không có sự thâm định, lấy ý kiến rộng rãi là nguyên nhân dẫn đến văn bản khi ban hành có những bất cập khi triển khai vào thực tiễn, trong đó vấn đề bảo đảm quyền con người như quyền riêng tư, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc⁵ được tôn trọng. Đó là lý do tại sao

trên thực tế có một số địa phương đã ban hành những văn bản triển khai quy định của Luật phòng chống bệnh truyền nhiễm vượt quá so với thẩm quyền để xử lý những hành vi được xem là vi phạm của người dân áp dụng riêng tại địa phương đó, điều này đã dẫn tới việc phải thu hồi văn bản⁶.

Vấn đề miễn giảm mức phạt tiền trong xử phạt hành chính một trong những thay đổi lớn của pháp luật Việt Nam nhằm xử lý các vi phạm hành chính. Đại dịch covid 19 bùng phát gây ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế đặc biệt là kinh tế tư nhân. Trong năm 2021 có 70.209 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường⁷, việc đưa ra các chính sách nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đồng thời tạo hành lang pháp lý giúp bình ổn thị trường kinh tế là trách nhiệm của các nhà hoạch định chính sách. Vì vậy, quy định miễn giảm mức tiền phạt cho cá nhân, tổ chức vì lý do dịch bệnh là hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh đại dịch. Ví dụ một bộ phận lớn người vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp là người dân địa phương với điều kiện kinh tế hết sức khó khăn, việc săn, bắt, giết, nhốt hay tàng trữ động vật hoang dã là kế sinh nhai chủ yếu của họ. Nếu việc áp dụng chế tài với mức phạt quá cao sẽ dẫn tới tình trạng người vi phạm không có khả năng thi hành quyết định xử phạt, điều này khiến cho các quy định của pháp luật tuy có nhưng không thể triển khai được trên thực tiễn và vì thế, tính răn đe của chế tài hành chính không còn mang ý nghĩa⁸.

individual in terms of private and public law, Revista de Derecho. Vol. 9 (II) (2020), pp. 225-250. ISSN: 1390-440X - eISSN: 1390-7794.

⁶<http://www.qndn.vn/xa-hoi/tin-tuc/van-ban-phong-chong-covid-19-vuot-qua-da-duoc-thu-hoi-thay-the-nen-khong-thuc-hien-quy-trinh-xuly-675097> truy cập ngày 10/10/2022

⁷Bộ Công thương, Báo cáo tình hình hình hoạt động và sản xuất thương mại tháng 12/2021

⁸ Muhammad Sabir Rahman (2019). *Fines Sanction as a Meeting Form Principles of Agreement Contracts Construction Service, Amsir Law Journal, Vol 1- No1*, <https://doi.org/10.36746/alj.v1i1.18>

⁴ Nguyễn Đăng Dung (2007), *Ý tưởng về một nhà nước chịu trách nhiệm*, Nxb Đà Nẵng, tr143

⁵*The Covid-19 Pandemic and the rights of the*

Do đó, giảm mức phạt tiền vừa là giảm chế tài nhưng vừa hàm ý không khuyến khích cá nhân, tổ chức khác thực hiện hành vi tương tự, với cơ chế thúc đẩy tâm lý “sợ bị phạt”; tâm lý đó sẽ làm cho các cá nhân kiểm soát tốt hành vi của mình cũng như đưa ra những lựa chọn thực hiện hành vi hợp pháp hoặc thậm chí là cá nhân có thể vẫn cố tình thực hiện hành vi nhưng sẽ có sự cân nhắc, tiết chế nhằm giảm thiểu mức độ sai phạm; nhờ đó mà nâng cao tính tuân thủ pháp luật tốt hơn. Tuy nhiên, quy định này đối với các doanh nghiệp chỉ phù hợp trong bối cảnh đại dịch, hiện nay khi con người đã thích ứng với đại dịch và nền kinh tế đã có những khởi sắc⁹ thì quy định này không còn tương thích với tình hình mới. Quy định này có thể bị lạm dụng để các doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc trì hoãn thi hành pháp luật¹⁰.

⁹ Bộ Công thương, Báo cáo tình hình hình hoạt động và sản xuất thương mại tháng 9/2022 nêu rõ: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng khá cao, khoảng 13,67% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm trước giảm 6,03% do đây là thời điểm dịch Covid-19 bùng phát mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,24%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,91%; khu vực dịch vụ tăng 18,86%. GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong 12 năm qua.

¹⁰ Alice Bloch, Leena Kumarappan and Sonia Mckey (2014). *Employer sanctions: The impact of workplace raids and fines on undocumented migrants and ethnic enclave employers*, *Critical Social Policy*, Volume 35, Issue 1.

3. Kết luận và khuyến nghị

Có thể thấy rằng, Chính phủ Việt Nam đã có chính sách đề ứng phó với dịch bệnh covid, nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh và bảo đảm lợi ích của các chủ thể trong xã hội. Việt Nam cũng đã ban hành, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý để xử lý kịp thời và có hiệu quả đối với các hành vi vi phạm trong bối cảnh đại dịch covid. Khung pháp lý đó bao gồm chế tài xử lý vi phạm hành chính và chế tài xử lý hình sự. Tuy nhiên, những quy định này có thể ảnh hưởng đến các nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp. Điều này cũng đặt ra cho hệ thống pháp luật Việt Nam trước thách thức về việc điều chỉnh, bổ sung kịp thời những quy định mới sao cho vừa bảo đảm được phòng chống dịch bệnh nhưng cũng đảm bảo không xâm phạm đến các quyền cơ bản khác của cá nhân, tổ chức, nhà nước. Đại dịch COVID-19 không phải là thử nghiệm tồi tệ nhất đối với con người. Trong tương lai gần, nhân loại có thể phải đối mặt với các mối đe dọa nguy hiểm hơn. Điều này có nghĩa là hiện tại, các kinh nghiệm trong phòng chống và xử lý các hành vi vi phạm phải được sử dụng để phát triển một cơ chế chung để điều chỉnh các mối quan hệ công chúng ở mức độ quan trọng các tình huống¹¹. Do đó, ngay từ lúc này, việc điều chỉnh các quy định pháp luật để đáp ứng nhu cầu đấu tranh phòng ngừa và xử lý vi phạm liên quan đến việc lây lan truyền nhiễm dịch bệnh nói riêng và lợi dụng dịch bệnh để thực hiện hành vi vi phạm nói chung là điều thực sự cần thiết.

¹¹ Shkabin, G. S., Pleshakov, A. M., & Nazarov, A. D. (2020, November). *Problems of Criminal Law Provisions in the Context of the COVID-19 Pandemic*. In *Research Technologies of Pandemic*

Cuộc sống có những điều chúng ta không thể nói trước. Có những điều khiến chúng ta nghĩ sẽ mãi hạnh phúc bỗng nhiên mất đi trong chốc lát. Để lại nỗi đau, niềm thương xót cho người ra đi và người ở lại.

Gia đình anh Khương và chị Bồng vốn có tiếng chăm chỉ làm ăn và vợ chồng, con cái rất mực yêu thương nhau. Trong nhà lúc nào cũng đầy ắp tiếng cười, không phải là giàu có gì nhưng cuộc sống của anh chị được gọi là “ấm no, đầy đủ”, hạnh phúc nhất là 02 đứa con, một trai, một gái, đứa lớn học lớp 8, đứa nhỏ học lớp 6, luôn là học sinh giỏi của trường. Trong ngôi làng nhỏ này, đi đâu anh chị cũng tự hào về con của mình, vừa chăm ngoan và học giỏi.

Bất hạnh bất ngờ ập xuống gia đình anh chị. Sáng hôm đó, anh chở chị đi giao hàng thì không may bị tai nạn, hai vợ chồng đều mất trong vụ tai nạn đó, để lại hai đứa nhỏ mồ côi, khiến ai cũng thấy đau lòng và xót xa. Hàng xóm, láng giềng thương xót cho người hiền lành, chăm chỉ sao lại ra đi sớm, bỏ lại hai đứa con thơ bơ vơ, tội nghiệp. Giờ đây, hai đứa mồ côi cha mẹ, chuyển đến sống với nhà ông bà ngoại. Nỗi đau thương xót không nguôi.

Nhà ông bà ngoại cũng gần nhà của cha mẹ trước đây hai đứa nhỏ sinh sống, tôi là hàng xóm ở cạnh nhà ông bà. Ông bà vốn là những người nông dân chất phát, hiền lành và chăm chỉ. Tôi thường hay sang chơi nói chuyện với ông bà, cùng chia sẻ khi thì củ khoai, củ sắn, khi thì con cá, miếng thịt. Gia đình ông bà gặp chuyện đau buồn, nên tôi thường xuyên lui tới trò chuyện để ông bà được khuây khoả. Nhìn hai đứa nhỏ đang từng ngày cố gắng vượt qua nỗi đau, là chỗ dựa cho ông bà, tôi thấy thương hơn. Đúng là nỗi đau khiến cho những đứa trẻ như trưởng thành hơn, đang là cái tuổi đáng ra chúng được sống trong tình yêu thương của cha mẹ, cái tuổi hồn nhiên, vui vẻ, không biết lo nghĩ là gì.

Sáng nay, đang đi ra chợ, khi ngang qua nhà ông bà, tôi nghe tiếng gọi của bà. Tôi bước vào nhà, bà nói đang có chuyện muốn hỏi nên gọi làm phiền tôi, tôi nói với bà “không sao đâu ạ, đang còn sớm mà bà”. Tôi nói bà có chuyện gì cứ nói với con, nếu giúp được con sẽ cố gắng làm. Bà nói với tôi là có nghe đến chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước, không biết hai đứa cháu nhỏ mồ côi của bà có nhận được chế độ đó không. Ông bà đang rất lo lắng vì tuổi ông bà cũng đã già, hai đứa nhỏ còn phải đi học, sợ không chăm lo nổi cho hai cháu đến nơi, đến chốn. Tôi nói bà đừng lo lắng quá, chuyện này con cũng định sang nói với ông bà đây. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, như sau:

“1. Trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- b) Mồ côi cả cha và mẹ;
- c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;
- đ) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.”

Như vậy, đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là trẻ em dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng thuộc trường hợp mô tả của cha và mẹ. Vì vậy, hai cháu được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đó bà. Quy định

mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 là 360.000 đồng/tháng. Trường hợp của cháu bà được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng với mức bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội nhân với hệ số tương ứng quy định là hệ số 1,5. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Vậy hả cháu, bà nghe vậy mừng quá, cũng đỡ lo. Cháu có thể hướng dẫn, giúp bà làm hồ sơ, thủ tục được không, chứ ông bà già rồi, không biết làm như thế nào. Bà yên tâm đi ạ, cháu sẽ giúp bà làm các thủ tục, hồ sơ hưởng trợ cấp xã hội cho hai cháu, bà đừng lo lắng gì nhé. Bà cảm ơn cháu nhiều lắm, có gì đâu bà, việc cháu phải làm thôi mà, bà cháu mình mà bà cảm ơn gì chứ. Cháu đi chợ đây ạ, bà cần gì không để cháu mua giúp bà luôn. Vậy cháu mua giúp bà năm lạng tôm nhé, hai đứa nhỏ thích ăn tôm thịt rang lắm. Bà cứ hay làm phiền cháu quá à. Bà lại vậy rồi, cháu luôn xem bà như bà của cháu vậy đó, nên bà đừng nghĩ ngợi gì hết bà nhé! Thôi, cháu đi đây ạ. Ừ, cháu đi



Từ ngày 1/7/2021, mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với nhóm người được hưởng chính sách bảo trợ xã hội, trong đó có trẻ em tăng từ 270 ngàn đồng/tháng lên 360 ngàn đồng/tháng. (Nguồn ảnh: sưu tầm)

cả nắng lên thầu đỉnh đầu, coi ra đến chợ, tan chợ luôn rồi. Hai bà cháu nhìn nhau, cười vui vẻ. Bước chân đi mà trong lòng tôi thấy rất vui, niềm vui khi được giúp đỡ người khác, nhìn thấy nụ cười của họ trong lòng mình cũng dấy lên sự sung sướng và hạnh phúc. Cuộc sống mà cứ cho đi không mong nhận lại, bỗng dưng tôi nhớ câu thơ của nhà thơ Tố Hữu “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

T.L